

国会常务委员会

决议编号：

17/2022/UBTVQH15

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

河内市，2022 年 3 月 23 日

决议

关于在 COVID-19 疫情防控和经济社会复苏与发展的背景下
劳动者一年内、一个月内的加班时数

国会常务委员会

根据越南社会主义共和国宪法；

根据已经根据 65/2020/QH14 号法修改和补充若干条款之第 57/2014/QH13 号国会组织法；

根据第 45/2019/QH14 号劳动法；

根据 2021 年 7 月 28 日第十五届国会第一次会议之 30/2021/QH15 号决议。

决议：

第一条、一年内加班时数

1、如用人单位需要并征得劳动者同意，可安排劳动者一年加班 200 小时以上 300 小时以下，下列情况除外：

- a) 15 岁至 18 岁以下的劳动者；
- b) 工作能力下降 51% 或以上的轻度残疾、重度残疾或特别严重残疾的劳动者；
- c) 从事繁重、毒害、危险或特别繁重、毒害、危险的职业或工作的劳动者；
- d) 怀孕 7 个月或在高处、深处、远处、边境、海岛地区工作的怀孕 6 个月的女劳动者；
- d) 抚养 12 个月龄以下婴儿的女劳动者。

2、本条第 1 款不适用于劳动法第 107 条第 3 款规定的情况。

第二条、一个月内加班时数

可安排劳动者一年加班最多 300 小时的用人单位需要并征得劳动者同意，则可安排劳动者一个月内加班 40 小时以上 60 小时以下。

第三条、组织实施

1、本决议中加班时数规定的实施，必须完全符合劳动法其他相关规定。



23 Ni Sur Huỳnh Liên, Phường 10, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
G3.21.06 Greenbay, Số 7 ĐL Thăng Long, P.Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
热线: +84 933 341 688 微信: everwinservice LINE: everwin888

- 2、用人单位在组织本决议第一条第 1 款规定的加班工作时，必须根据劳动法第 107 条第 4 款的规定，书面通知省级人民委员会所属的专门劳动机构。
- 3、用人单位有责任采取措施提高劳动生产率，并采取其他措施减少加班；在必须加班的情况下，用人单位应当实行福利制度，以确保劳动者享有比劳动法规定更优厚的条件。
- 4、政府、劳动荣军社会部以及各部、产业和地方政府在各自的任务和权限范围内，指导和组织实施本决议。
- 5、越南总劳动连团加强对各级工会在监督决议执行中进行宣导、通知、指导和指引，维护劳动者的权利，促进对话和谈判，并签署集体劳动协议、本决议执行过程中确保劳动者福利的协议。
- 6、越南工商会、越南合作社联盟和用人单位的其他代表组织加强对用人单位宣导、知会，以执行本决议，同时确保劳资关系中各方之间的权益协调，支持和增强对劳动者的福利制度，帮助劳动者克服困难，为生产恢复和经济社会发展做出贡献。

第四条、施行效力

- 1、除本条第 2 款规定外，本决议自 2022 年 4 月 1 日起生效。
- 2、本决议第一条第 1 款的规定自 2022 年 1 月 1 日起生效。

本决议获越南社会主义共和国第十五届国会常务委员会于 2022 年 3 月 23 日第 9 次会议通过。

代表国会常务委员会
主席
(已签名盖章)

王廷惠

~ 恒利翻译，仅供参考 ~

NGHỊ QUYẾT

Về số giờ làm thêm trong 01 năm, trong 01 tháng của người lao động trong bối cảnh phòng, chống dịch COVID-19 và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14;

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Số giờ làm thêm trong 01 năm

1. Trường hợp người sử dụng lao động có nhu cầu và được sự đồng ý của người lao động thì được sử dụng người lao động làm thêm trên 200 giờ nhưng không quá 300 giờ trong 01 năm, trừ các trường hợp sau đây:

a) Người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi;

b) Người lao động là người khuyết tật nhẹ suy giảm khả năng lao động từ 51 % trở lên, khuyết tật nặng hoặc khuyết tật đặc biệt nặng;

c) Người lao động làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

d) Lao động nữ mang thai từ tháng thứ 7 hoặc từ tháng thứ 6 nếu làm việc ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo;

đ) Lao động nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.

2. Không áp dụng khoản 1 Điều này đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 107 của Bộ luật Lao động.

Điều 2. Số giờ làm thêm trong 01 tháng

Trường hợp người sử dụng lao động được sử dụng người lao động làm thêm tối đa 300 giờ trong 01 năm có nhu cầu và được sự đồng ý của người lao động thì được sử dụng người lao động làm thêm trên 40 giờ nhưng không quá 60 giờ trong 01 tháng.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Việc thực hiện quy định về số giờ làm thêm tại Nghị quyết này phải tuân thủ đầy đủ các quy định khác có liên quan của Bộ luật Lao động.

2. Khi tổ chức làm thêm giờ quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này, người sử dụng lao động

phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định tại khoản 4 Điều 107 của Bộ luật Lao động.

3. Người sử dụng lao động có trách nhiệm áp dụng các biện pháp nâng cao năng suất lao động và các biện pháp khác nhằm giảm thiểu việc làm thêm giờ; trong trường hợp phải làm thêm giờ, người sử dụng lao động thực hiện các chế độ phúc lợi bảo đảm cho người lao động có điều kiện thuận lợi hơn so với quy định của pháp luật về lao động.

4. Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành, chính quyền địa phương, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị quyết này.

5. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tăng cường tuyên truyền, thông tin, chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn các cấp trong việc giám sát thực hiện Nghị quyết, bảo vệ quyền lợi của người lao động, thúc đẩy việc đối thoại, thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể, các thỏa thuận bảo đảm phúc lợi cho người lao động trong quá trình thực hiện Nghị quyết này.

6. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam và các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động khác tăng cường tuyên truyền, thông tin đến người sử dụng lao động để thực hiện Nghị quyết này, đồng thời bảo đảm hài hòa quyền và lợi ích giữa các bên trong quan hệ lao động, hỗ trợ và tăng cường các chế độ phúc lợi cho người lao động để cùng vượt qua khó khăn, góp phần phục hồi sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2022, trừ quy định tại khoản 2 Điều này.
2. Quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022.

Nghị quyết này được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, phiên họp thứ 9 thông qua ngày 23 tháng 3 năm 2022.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH**

Vương Đình Huệ